

## **Các thương phẩm có số đo thay đổi không nhằm để bán lẻ – Các thùng ngoài / palet**

### **1 Các quy tắc chung về gán mã số và mã vạch**

#### **Phần này chỉ đề cập đến các thương phẩm không nhằm để quét tại quầy thanh toán bán lẻ**

Các thương phẩm có thể có số đo thay đổi hoặc là bởi quá trình sản xuất không đảm bảo một cách chắc chắn về trọng lượng, cỡ hoặc độ dài (thân súc vật đã chặt đầu moi ruột, cả một tấm pho mát.v.v.) hoặc vật phẩm được tạo ra để đáp ứng một đơn đặt hàng đặc biệt có công bố số lượng (ví dụ đồ dệt được đặt hàng theo mét, thủy tinh được đặt hàng theo mét khối).

Phần này chỉ đề cập đến các thương phẩm được bán, đặt hàng hoặc sản xuất theo hệ đo lường có thể thay đổi liên tục. Các thương phẩm bán theo nhóm riêng và đã được định trước (ví dụ theo trọng lượng danh định) được coi là thương phẩm có số đo cố định.

Một thương phẩm phải được coi là có số lượng thay đổi nếu số đo của nó thay đổi tại bất kỳ điểm nào trong chuỗi cung ứng. Ví dụ: một nhà cung cấp có thể bán và báo giá gà theo các thùng chuẩn hóa 15 con mỗi thùng; vì thế mà trọng lượng các thùng sẽ thay đổi. Khách hàng, trong ví dụ này là nhà bán lẻ, có thể cần biết trọng lượng thực chứa trong mỗi thùng để tổ chức việc phân phối đến các kho hàng của họ. Trong ví dụ này, nhà cung cấp phải đánh dấu thương phẩm từ nguồn bằng cách sử dụng Mã số toàn cầu phân định thương phẩm (GTIN) có số đo thay đổi.

Số phân định GTIN-14 với số chỉ là “9” được sử dụng để phân định thương phẩm có số đo thay đổi. Việc thể hiện thông tin về số đo thay đổi là bắt buộc để phân định hoàn hảo một thương phẩm có số đo thay đổi đặc thù. Số chỉ là “9” tại vị trí đầu tiên là phần không thể thiếu của GTIN-14.

### **2 Các số đo thương mại cần đến để hoàn thiện việc phân định thương phẩm có số đo thay đổi**

Số phân định GTIN-14 phân định thương phẩm số đo thay đổi có chú ý tới các thuộc tính hay đặc tính cố định của nó. Để hoàn thành việc phân định một thương phẩm có số đo thay

đổi, việc thể hiện chuỗi yếu tố thể hiện số đo thương mại là bắt buộc. Các số đo thương mại thích hợp phụ thuộc vào đặc tính tự nhiên của sản phẩm. Nó có thể là số lượng, trọng lượng hoặc bất kì một kích thước nào.

## 2.1 Số lượng thay đổi (AI 30)

Chuỗi yếu tố này được sử dụng nếu số đo thay đổi của thương phẩm là số vật phẩm được chứa đựng. Để tạo một mã vạch ngắn, khuyến nghị hãy luôn thêm một số chặn các chữ số vào trường dữ liệu “số đếm của vật phẩm” bằng cách thêm số không ở đầu khi cần. GTIN-14 và “số đếm của vật phẩm” phải được nối vào cùng một mã vạch đơn để có hiệu quả cao nhất.

**Chú thích:** Chuỗi yếu tố này **không bao giờ** được sử dụng để chỉ số lượng chứa trong thương phẩm có số đo **cố định**.

## 2.2 Số đo thương mại (AI 31nn, 32nn, 35nn, 36nn)

Các chuỗi yếu tố này được sử dụng nếu số đo thay đổi của mỗi thương phẩm tương ứng là trọng lượng, kích thước, diện tích hay thể tích. Chỉ có thể áp dụng một chuỗi yếu tố của đơn vị đo đã cho vào một vật phẩm đặc thù. Có thể áp dụng một vài chuỗi yếu tố vào một vật phẩm đặc thù nếu vật phẩm đó là có sẵn ở cả dạng đơn vị đo hệ mét và hệ đo lường Anh. Điều này có thể áp dụng nếu trọng lượng được thể hiện bằng kg và lb.

## 3 Các loại vật phẩm có số đo thay đổi

Các loại hay gặp nhất được liệt kê như sau:

Loại	Mô tả vật phẩm
A	<p><b>Vật phẩm được bán ở khối lượng lớn</b>, không được chia thành phần cũng không được đóng gói trước để bán lẻ, được đặt hàng theo lượng và được chuyên đi như là thương phẩm không được chuẩn hóa. Ví dụ như cá, hoa quả, rau, dây cáp, thảm, gỗ, vải .v.v.</p> <p>Số phân định chỉ rõ vật phẩm là thực thể thương mại đựng mọi lượng sản phẩm đã cho và, nếu có thể áp dụng, mọi dạng bao gói. Trọng lượng hay kích thước sẽ hoàn thiện sự phân định từng vật phẩm riêng.</p>

B	<p><b>Thương phẩm được đặt hàng và chuyển đi theo số lượng và được báo giá theo trọng lượng.</b> Các vật phẩm này bao gồm các vật phẩm to mà sẽ được chia thành từng phần tại cấp nhà kho như cả miếng pho mát, các miếng thịt lợn muối, thân súc vật để đem pha và cá, các thùng đựng vật phẩm có trọng lượng thay đổi như gà, fi-lê cá, các khúc gia cầm và các phần cắt làm lạnh.</p> <p>Số phân định chỉ rõ vật phẩm là một thực thể đã xác định trước riêng biệt và, nếu có thể, dạng bao gói. Giá cả hay phép đo sẽ hoàn thiện sự phân định vật phẩm.</p>
C	<p><b>Sự kết hợp chuẩn hóa một số cố định các thương phẩm loại B.</b> Ví dụ: Thương phẩm đựng 10 con gà.</p> <p>Số phân định chỉ rõ thương phẩm đã được chuẩn hóa là một thực thể và, nếu có thể, dạng bao gói của nó. Trọng lượng tổng của tất cả các vật phẩm được chứa đựng sẽ hoàn thiện sự phân định thương phẩm đặc thù đã biết.</p>
D	<p><b>Thương phẩm đã được chuẩn hóa với các kích thước có thể chọn, khi việc đánh mã số chuẩn GS1 để xử lý vô số các biến thể là không thực tế.</b> Ví dụ: các tấm ván bằng gỗ, các thám thám .v.v.</p> <p>Số phân định chỉ rõ thương phẩm cơ bản đã được xác định trước. (các) kích thước có thể áp dụng sẽ hoàn thiện sự phân định một đơn vị riêng.</p>

#### 4 Ví dụ về việc đánh mã số và gán mã vạch các thương phẩm có số đo thay đổi

##### Lưu ý đối với các ví dụ:

- Để minh họa, các ví dụ có cùng một sự thể hiện, ví dụ danh mục giá, đơn đặt hàng, sự chuyển hàng và báo giá.
- Mã vạch được dùng là mã GS1-128.

##### 4.1 Ví dụ 1: Được bán theo lượng lớn – Loại A

- Ví dụ này chỉ ra đơn đặt hàng và sự chuyển đi một vật phẩm được bán theo lượng lớn.

- Ca-ta-lô của nhà cung cấp có mục: cải bắp bán theo lượng lớn tính bằng kilogam.
- Đơn đặt hàng là 100 kg. Nó được chuyển đi trong hai thùng. Mỗi thùng được đánh dấu bằng GTIN của cải bắp theo sau là trọng lượng tịnh của các vật phẩm được chứa đựng.
- Hai thùng có thể được lưu trong palet mà bản thân palet có thể được đánh dấu bằng mã côngtenơ vận chuyển theo sê-ri SSCC thông qua việc sử dụng AI (00).
- Báo giá đề cập đến GTIN đã được đặt hàng và chỉ ra trọng lượng tổng và giá tiền mỗi kg. Trọng lượng được chuyển đi có thể được kiểm tra xác nhận theo số đã ghi trong đơn đặt hàng đó.

<b>Quá trình</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Chuỗi yếu tố được dùng/ Việc gán mã vạch cho vật phẩm</b>
Danh mục của nhà cung cấp	Cải bắp không đóng gói bán theo lượng lớn tính bằng kg	GTIN 96001234000016
Đặt hàng	100 kg cải bắp	100 kg × 96001234000016
Vận chuyển	2 thương phẩm Đơn vị 1: trọng lượng = 42,7 kg Đơn vị 2: trọng lượng = 57,6 kg	ĐV1: <b>01</b> 96001234000016 <b>3101</b> 000427 ĐV2: <b>01</b> 96001234000016 <b>3101</b> 000576
	Nếu vận chuyển theo pa-let	Palet: 00 360012340000000014 <b>01</b> 96001234000023 <b>3101</b> 001003 <b>30</b> 02
Báo giá	GTIN của vật phẩm và trọng lượng tổng (100,3 kg) + đơn giá mỗi kg	96001234000016 100,3 kg × đơn giá mỗi kg.

#### **4.2 Ví dụ 2: được bán theo số lượng – Loại B**

Ví dụ này chỉ ra đơn đặt hàng và sự chuyển đi một vật phẩm có trọng lượng thay đổi, được bán theo lượng và được báo giá theo trọng lượng.

- Ca-ta-lô của nhà cung cấp có mục: 1 salami

- Đơn đặt hàng là 100 đơn vị được chuyển đi vào 3 thùng. Mỗi thùng được đánh dấu với dữ liệu về nội dung hàng đựng bên trong, được thể hiện như sau
  - AI 01 chỉ rõ GTIN có số đo thay đổi của thùng;
  - AI 3101 chỉ rõ tổng trọng lượng tịnh của các vật phẩm được đựng trong thùng;
  - AI 30 chỉ rõ số đếm các vật phẩm được đựng trong thùng.
- Cả ba thùng có thể được lưu trong pa-let mà bản thân palet có thể được gán mã SSCC, và một cách không bắt buộc, với thông tin về nội dung của pa-let, được thể hiện như sau
  - AI 01 chỉ rõ GTIN có số đo thay đổi của palet;
  - AI 3101 chỉ rõ tổng trọng lượng tịnh của các vật phẩm được đựng trong palet;
  - AI 30 chỉ số đếm các thùng được đựng trong pa-let.
- Báo giá đề cập đến GTIN và số lượng đã được chuyển đi và chỉ ra tổng trọng lượng tịnh và giá tiền mỗi kg. GTIN và lượng của báo giá sẽ khớp với GTIN và lượng trong đơn đặt hàng.

Quá trình	Mô tả	Chuỗi yếu tố được dùng/ Việc gán mã vạch cho vật phẩm
Danh mục của nhà cung cấp	1 salami ~ 500 g	GTIN 96001234000030
Đặt hàng	100 salamis	100 × 96001234000030
Vận chuyển	3 đơn vị logistic Đơn vị 1 = 33 salamis, 16,7 kg Đơn vị 2 = 33 salamis, 16,9 kg Đơn vị 3 = 34 salamis, 17,1 kg	ĐV1: <b>01</b> 96001234000030 <b>3101</b> 000167 <b>30 33</b> ĐV2: <b>01</b> 96001234000030 <b>3101</b> 000169 <b>30 33</b> ĐV3: <b>01</b> 96001234000030 <b>3101</b> 000171

		<b>30 34</b>
	Nếu vận chuyển theo pa-let	Palet: <b>00 360012340000000021</b> <b>01 96001234000054 3101 000507 30 03</b>
Báo giá	GTIN của vật phẩm và trọng lượng tổng (50,7 kg) + đơn giá mỗi kg	100 × 96001234000030; 50,7 kg × đơn giá mỗi kg

### 4.3 Ví dụ 3: Được bán theo một lượng đồng nhất mỗi thùng – Loại C

Ví dụ này chỉ ra đơn đặt hàng và sự chuyển đi một vật phẩm có trọng lượng thay đổi, được bán theo một lượng đồng nhất và được báo giá theo trọng lượng.

- Ca-ta-lô của nhà cung cấp có mục: 1 thùng 10 con gà.
- Đơn đặt hàng là 3 thùng. Mỗi thùng chuyển đi được đánh dấu bằng GTIN của thùng theo sau là trọng lượng tịnh của các vật phẩm chứa bên trong thùng, cụ thể như sau:
  - AI 01 chỉ rõ GTIN có số đo thay đổi của thùng;
  - AI 3102 chỉ rõ tổng trọng lượng tịnh của các vật phẩm được đựng trong thùng;
- Ba thùng này có thể được lưu trong pa-let mà pa-let này có thể được gán mã SSCC và, không bắt buộc, với thông tin về nội dung của pa-let, được thể hiện như sau:
  - AI 01 chỉ rõ GTIN có số đo thay đổi của pa-let;
  - AI 3102 chỉ rõ tổng trọng lượng tịnh của các vật phẩm được đựng trong pa-let;
  - AI 30 chỉ số đếm các thùng được đựng trong pa-let.
- Báo giá đề cập đến GTIN và số lượng đã được chuyển đi và chỉ ra tổng trọng lượng tịnh và giá tiền mỗi kg. GTIN và lượng của báo giá sẽ khớp với GTIN và lượng trong đơn đặt hàng.

Quá trình	Mô tả	Chuỗi yếu tố được dùng/ Việc gán mã
-----------	-------	-------------------------------------

		<b>vạch cho vật phẩm</b>
Danh mục của nhà cung cấp	1 thùng 10 con gà	GTIN 96001234000092
Đặt hàng	3 thùng	3 × 96001234000092
Vận chuyển	3 thương phẩm	
	Đơn vị 1: trọng lượng = 15,5 kg	ĐV1: <b>01</b> 96001234000092 <b>3102</b> 001550
	Đơn vị 2: trọng lượng = 14,75 kg	ĐV2: <b>01</b> 96001234000092 <b>3102</b> 001475
	Đơn vị 3: trọng lượng = 16,25 kg	ĐV3: <b>01</b> 96001234000092 <b>3102</b> 001625
	Nếu vận chuyển theo pa-let	Palet: <b>00</b> 360012340000000045 <b>01</b> 96001234000092 <b>3102</b> 004650 <b>30</b> 03
Báo giá	GTIN của vật phẩm và trọng lượng tổng (46,5 kg) + đơn giá mỗi kg	3 × 96001234000092; 46,5 kg × đơn giá mỗi kg

#### 4.4 Ví dụ 4: Thương phẩm với kích thước có thể chọn – Loại D

Ví dụ này chỉ ra một sản phẩm có thể được mua từ nhà cung cấp hoặc được bán cho khách hàng theo độ dài bất kì tính bằng mét.

- Ca-ta-lô của nhà cung cấp có mục: dây cáp T49 được bán theo mét.
- Đơn đặt hàng là 150 mét dây cáp. Gói hàng chuyển đi được gắn mã GTIN của dây cáp theo sau là độ dài thực của dây cáp đã đóng gói.
- Báo giá đề cập đến GTIN như đã đặt hàng, được chuyển đi và độ dài tổng.

Quá trình	Mô tả	Chuỗi yếu tố được dùng/ Việc gắn mã vạch cho vật phẩm
Danh mục của nhà cung cấp	Dây cáp T49 được bán theo độ dài bất kì	GTIN 96001234000115
Đặt hàng	Một thương phẩm có độ dài	96001234000115 × 150 m

	150m	
Vận chuyển	Một thương phẩm, 150m	<b>01 96001234000115 3110 000150</b>
Báo giá	GTIN của thương phẩm và lượng tổng	1 × 96001234000115; 150 × đơn giá mỗi m